

TỔNG HỢP DẪN CHỨNG ĐIỆN NGOÀI CHƯƠNG TRÌNH

Vì tính chất của lớp Chuyên Văn cấp tốc năm nay, dưới đây là nội dung các phần dẫn chứng các em có thể áp dụng linh hoạt cho các vấn đề LLVH thường gặp.

Mỗi thời kỳ văn học các em chỉ cần lựa chọn 1 - 2 tác phẩm là đủ cho phần chứng minh diện rồi, không cần ôm đồm, tham lam, không cần thiết.

Lưu ý: Đây là tài liệu được biên soạn độc quyền, vui lòng không trao đổi, mua bán dưới mọi hình thức!

1. Văn học Trung đại:

● “Truyện Kiều” - Nguyễn Du

- Truyện Kiều là không chỉ là tiếng nói thương thân nàng Kiều, mà còn là nỗi đau đáu cho những số phận bị thời đại, xã hội phong kiến nam quyền dập vùi, không lối thoát:

*“Đau đớn thay phận đàn bà
Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung”*

Mỗi con người, mỗi cuộc đời bước ra từ “Truyện Kiều” đều mang nỗi đau thân phận, “nỗi hờn kim cổ trời khôn hỏi”. Song vượt lên tất cả vẫn là tấm lòng yêu thương, tri âm quảng đại ngàn đời Nguyễn Du gửi gắm đến với mỗi người phụ nữ - một lòng trân quý, nâng đỡ, để cuộc đời bớt đi những khổ đau, những bi kịch bủa vây con người. **(Đặc trưng văn học, chức năng văn học, thiên chức nhà văn, tinh thần nhân đạo)**

- Tiếng đàn của nàng Kiều:
 - + “Bồn dây như khóc như than/ Khiến người trên tiệc cũng tan nát lòng”: Nguyễn Du đã gọi ra những liên tưởng phong phú về bản đàn của Thúy Kiều (không dùng từ tượng thanh, không dùng sự kết hợp thanh bằng - trắc) → người đọc hình dung tiếng đàn nao nề, nức nở, cảm xúc của người đánh đàn đã hòa nhịp trong giai điệu và tiết tấu. Ngôn ngữ Nguyễn Du không chỉ gọi tả một bản đàn buồn, mà còn gọi tả cả cảm xúc của người đánh đàn - bản đàn như mang số phận, tâm trạng, xúc cảm. Ngôn ngữ đã vượt ra khỏi khả năng của nó, không chỉ gọi âm thanh mà còn gọi nỗi đau vô tận của con người
 - + “Bồn dây rỏ máu năm đầu ngón tay”: giọt máu trào ra là cực điểm của nỗi đau, của niềm bi kịch đến nao nề. Ngón đàn mà như có máu rỏ là sự hi sinh đến tột cùng cho nghệ thuật của con người tài sắc nhưng đầy bất hạnh. Ta như lắng lòng cho bản đàn ấy - sự cộng hưởng nỗi niềm đớn đau khôn nguôi của con người bất hạnh.

(Đặc trưng thơ ca, ngôn ngữ trong thơ/văn học, Chức năng văn học, Văn học - hiện thực, Tài năng nghệ sĩ trong sử dụng ngôn từ)

● Tự tình (I) - Hồ Xuân Hương

Tiếng gà vắng vắng gáy trên bom,

Oán hận trông ra khắp mọi chòm.

Không gian hiện lên là đêm khuya tĩnh lặng với tiếng gà gáy vắng vắng từ trên bom thuyền vang khắp xóm. Đêm càng tĩnh, tiếng gà càng vang nghe rất nhức nhối. Tác giả đã sử dụng nghệ thuật lấy động tả tĩnh, lấy tiếng gà tả màn đêm tĩnh mịch, u buồn. Canh khuya, khi mọi người chìm trong giấc ngủ say nồng thì nữ thi sĩ vẫn còn thức, vẫn còn đang nghĩ về cuộc đời mình. Trong đêm vắng, nỗi oán hận dường như bủa vây con người, tâm trí và cả không gian xung quanh. Nỗi oán hận khiến nữ sĩ không sao yên giấc và thao thức suốt canh trường. Ấy là khát vọng của một cá tính nổi loạn, nỗi mong cầu hạnh phúc đầy mãnh liệt, mạnh mẽ và tràn trề của nữ sĩ Hồ Xuân Hương (***Đặc trưng văn học, chức năng văn học, nhà văn và quá trình sáng tạo, đặc trưng của thơ***)

- **“Cáo tật thị chúng” - Mãn Giác thiền sư**

Bài kệ bộc lộ quan niệm triết lí của Phật giáo về sức mạnh lớn lao, vượt lên lẽ hóa sinh thông thường.

“Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai.”

Hai câu thơ cuối không phải đơn thuần báo hiệu xuân qua hè tới mà là biểu tượng cho quan niệm lớn lao hơn. Con người giác đạo trở về với bản thể vĩnh hằng, không sinh, không diệt như cành mai tươi bất chấp xuân tàn. Hoa mai tượng trưng cho vẻ đẹp thanh tao, cao khiết vượt lên hoàn cảnh nghiệt ngã, phàm tục. Qua hình tượng cành mai tươi bất chấp xuân tàn, tác giả mượn thiên nhiên để biểu tượng cho niềm tin về sự sống bất diệt. Hoa mai vượt lên cả sự sống, chết, thịnh, suy. Đó là quy luật của sự bất biến về tư tưởng, tình cảm, ý chí – sự bất biến trong tinh thần. “Cành mai” là biểu tượng nghệ thuật đẹp đẽ, vẻ đẹp của tinh thần lạc quan, kiên định trước những biến đổi của trời đất, thời cuộc. (***Đặc trưng văn học, chức năng văn học, đặc trưng của thơ***)

2. Thơ Mới 1932 - 1945

- **“Thơ duyên” - Xuân Diệu**

“Con đường nhỏ nhỏ gió xiêu xiêu
Lả lả cành hoang nắng trở chiều”

Tại sao lại là “nhỏ nhỏ” thay vì nho nhỏ, là “xiêu xiêu” thay vì liêu xiêu, là “lả lả” mà không phải loi loi? Nếu ngôn ngữ thuần đơn như vậy, sao để lại cái mơ mộng, cái giao hòa qua lăng kính tình ái của Xuân Diệu được, phải chăng? Cách sử dụng từ láy toàn phần của Xuân Diệu như đẩy tất cả xúc cảm lên đến tột cùng, cái giao hòa, cộng hưởng của bức tranh thiên nhiên hiện lên ngập tràn màu sắc tình ái: Bởi con đường “nhỏ nhỏ”, nên gió mới “xiêu xiêu” như làm duyên, như giao hòa, như khát vọng tình yêu chảy tràn giữa không gian. Con gió “xiêu xiêu” ấy làm “cành hoang” cũng loi loi theo dáng điệu duyên dáng, tràn ngập khát khao yêu đương. Cả khung cảnh thiên nhiên gợi ra với đầy những xúc cảm, thoát khỏi những rập khuôn để trở nên huyền diệu, để rồi ai nấy như nhập thân vào một thế giới đang dần sinh thành, chửa quây, dẫu

nhẹ, dẫu khế cũng ngập tràn điệu xúc cảm của thi nhân (**Đặc trưng của thơ, Đặc trưng văn học, Tài năng của người nghệ sĩ, Phong cách nghệ thuật**)

Phong cách nghệ thuật Xuân Diệu: Xuân Diệu là thi sĩ của tuổi trẻ và tình yêu, thơ ông mang cảm quan sâu sắc và cuộc đời, với mong muốn níu giữ lại mọi giá trị đẹp đẽ và trọn vẹn nhất của cuộc đời. Vì vậy, tiếng thơ của ông luôn mang nỗi khát khao, say sưa, nhiệt thành cho lối sống tận hưởng hết thảy những giá trị đẹp đẽ của cuộc đời

- **“Nhớ thương” - Hàn Mặc Tử**

Trong bài Nhớ thương, Hàn Mặc Tử khắc họa tâm trạng của người cung nữ thông qua hình ảnh đối lập giữa “ngoài kia” và “trong đây”:

Ngoài kia xuân đã thắm duyên chưa
Trời ở trong đây chẳng có mùa
Không có niềm trăng và ý nhạc
Có người cung nữ nhớ thương vua

Đó phải chăng cũng chính là nỗi niềm của tác giả. Âm ảnh trong này - ngoài kia quấn quanh tâm trí thi nhân, tạo nên nỗi đau đời đến tột cùng của một tâm hồn nhạy cảm đầy nỗi xót xa cho chính phận mình. Khát vọng giao cảm ấy dần biến thành bi kịch, nỗi đau của nhân vật trữ tình phải chăng chính là nỗi đau của tác giả, một nỗi mặc cảm bị dặt về cuộc đời... (**Đặc trưng tình cảm trong thơ, Nhà văn và quá trình sáng tạo, Đặc trưng văn học**)

- **“Mùa xuân chín” - Hàn Mặc Tử**

Thơ Hàn Mặc Tử đâu chỉ có cái yêu đời, mà còn là nỗi đau đời, trong cái son sắc của tình xuân đã hiện ra cái “mảm ly biệt” như tiền định:

Ngày mai trong đám xuân xanh ấy,
Có kẻ theo chồng, bỏ cuộc chơi

Cái nỗi niềm đứt ruột này nói hộ một tình yêu, một thứ tình yêu đắm đuối không cùng với cuộc đời mà con người trước dòng chảy của thời gian đã không sao giữ lại nổi. Cái xốn xang, xao xuyến hướng về phía trước cũng một lúc với ngoái lại sau: “Chị ấy năm nay còn gánh thóc...” Rõ ràng con đường xuân đã và đang đi sẽ hướng tới cái cuối cùng, đến chỗ hư vô. Nó không khỏi để lại trong khoảng trống vắng của cõi lòng nhà thơ nhiều buồn ngủi, ngẩn ngơ, luyến tiếc. Thì ra cái đẹp của cuộc đời dù hào phóng, dư thừa đến đâu cũng hạn hẹp. Cho nên phải biết quý nó từng phút, từng giây. Bởi nếu trái tim ta không dành trọn cho nó, nó sẽ vô tình đi qua như một cơn gió nhẹ.

→ Thơ Hàn là niềm yêu đời nhưng cũng ẩn tàng nỗi đau đời xót xa là vì thế. (**Đặc trưng của thơ, Đặc trưng văn học, Nhà văn và quá trình sáng tạo, Phong cách nghệ thuật**)

CHÚ Ý: Phong cách Hàn Mặc Tử: Là nhà thơ của nỗi yêu đời và đau đời, của những nỗi niềm giằng xé và xót xa trước thực tại. Ông là chủ soái của trường thơ Điện, nổi bật với những vần thơ mang nỗi yêu đời và khát khao gắn bó với cuộc đời, nhưng đồng thời là nỗi tiếc nuối khi không thể bám riết lấy trần thế, nên càng thêm xót xa, đón đau.

- “Lỡ bước sang ngang” - Nguyễn Bính

“Lỡ bước sang ngang” cũng chính là nỗi quẩn quại về số phận của những người phụ nữ khi tình yêu trắc trở. Và họ phải làm lại cuộc đời và có khi phải lỡ bước sang ngang, dấn vật, đau đớn khôn nguôi. Chính những thói đời, thủ tục cũng như chế độ xưa đã kìm ép người phụ nữ. Và cũng không ít trường hợp rơi vào cảnh lâm than đau đớn cõi lòng. Đọc những vần thơ này ta cảm thấy dâng lên một niềm xúc động không nói thành lời. Đó là sự thương cảm đối với xã hội xưa đầy những luật lệ và hà khắc. Chính những câu thơ xé lòng của Nguyễn Bính đã chạm vào trái tim của người đọc. Và đây cũng chính là mạch cảm xúc chủ đạo trong nhiều tác phẩm thơ ca lúc bấy giờ. Lễ giáo phong kiến đã đè nặng lên thân phận họ, đè nặng lên những kiếp người đến tận cùng của nỗi xót xa, tủi hờn:

“- Em ơi, em ở lại nhà,
Vườn dâu em đón, mẹ già em thương.
Mẹ già một nắng hai sương,
Chị đi một bước trăm đường xót xa.
Cây em, em ở lại nhà,
Vườn dâu em đón, mẹ già em thương.

Hôm nay xác pháo đầy đường,
Ngày mai khói pháo còn vương khắp làng.
Chuyến này chị bước sang ngang
Là tan vỡ giấc mộng vàng từ nay.”

(Đặc trưng văn học, Chức năng văn học, Đặc trưng thơ, Nhà văn và quá trình sáng tạo, Phong cách nghệ thuật)

Phong cách Nguyễn Bính: Chịu thân phận của những lỡ dở, cuộc đời lẩn dài theo bánh xe vô định nên Nguyễn Bính nhạy cảm với cảnh phân li, sớm đồng cảm với thân phận lỡ làng. Ông chia sẻ, xót xa cho những cảnh đời ngang trái, phải trải qua những bất công, đau đớn của cuộc đời.

3. Văn học hiện thực 1930 - 1945

- “Người ngựa người” - Nguyễn Công Hoan

Lấy bối cảnh xã hội Việt Nam thời thuộc địa Pháp, Nguyễn Công Hoan đã vẽ ra sự đối lập xoay quanh anh phu xe và cô gái bán hoa. Tuy đều sống dưới đáy xã hội nhưng cách mà cả hai mưu sinh lại không giống nhau, nếu anh phu xe đổi sức lao động của mình để có được những đồng tiền chân chính thì vị khách trên xe lại vô cùng lười biếng, không chịu lao động. Chính sự đối lập này đã cho thấy tài hoa của tác giả trong việc xây dựng cốt truyện, đồng thời mang đến cho độc giả nhiều góc nhìn khác nhau về các mảnh đời trong xã hội đương thời. Ngay ở phần nhan đề Người ngựa người, Nguyễn Công Hoan đã thể hiện thái độ châm biếm, giễu cợt: “Bất đắc dĩ, con ngựa người lại phải kéo con người ngựa vậy.”

→ Trào phúng với những trớ trêu của phận đời, phận người, “Người ngựa người” lại mang đến cho độc giả nhiều suy tư về số phận con người hơn là tiếng cười thoải mái. Với ánh nhìn đầy chiêm nghiệm, Nguyễn Công Hoan đã thành công khắc hoạ lại cuộc đời của những con người lao động nghèo, cũng như làm sáng ngời ý chí kiên cường và bản tính lương thiện bên trong họ.

(Đặc trưng văn học, Chức năng văn học, Đặc trưng truyện ngắn, nhà văn và quá trình sáng tạo, phong cách nhà văn)

CHÚ Ý: Phong cách Nguyễn Công Hoan: Truyện ngắn giàu tính kịch, nghệ thuật trào phúng đặc sắc. Truyện ngắn của ông luôn đẩy lên cao trào những mối quan hệ đối lập trong xã hội Việt Nam trước 1945, từ đó phơi bày bộ mặt thối nát của xã hội, nơi con người là những con rối bị điều khiển.

- **“Mợ Du” - Nguyên Hồng**

Cát cao qua tác phẩm là một hiện thực trần trụi của xã hội nam quyền độc đoán đặt bao ngang trái lên thân phận người phụ nữ. Chẳng biết vì lẽ gì mà người phụ nữ ấy phải bỏ lại đứa con của mình, bỏ lại cái ngọt lành vốn có của tình yêu để nhường chỗ cho những đắng cay, đón đau. Loáng thoáng qua những câu văn, độc giả ngẫm thấu hiểu rằng Mợ Du đã chẳng thể gánh nổi mấy chữ tam tòng tứ đức, bởi tình tự với anh thợ may trai trẻ, bị mẹ và em chồng phát hiện nên phải bỏ chồng. Xã hội với đủ lễ giáo phong kiến hà khắc sẽ chẳng để cho mợ yên, chỉ còn cách phải đi xa, đi thật xa để tìm kiếm một cuộc sống mới, để rồi siết chặt trên da thịt người phụ nữ ấy có chăng là sợi dây thừng trói buộc con người khát khao hạnh phúc, để rồi mỗi bước đi là mỗi lần roi rướm máu, là mỗi lời khinh miệt, phỉ nhổ. Tác phẩm xây dựng một tình huống thách thức, giúp người đọc chúng ta thấu hiểu đến vô cùng hiện thực của đời sống, thấu hiểu đến vô cùng Nguyên Hồng đã đồng hành cùng con người, cùng những số phận của mình đến thế nào.

Chúng kiến những đêm mẹ con mợ Du gặp lại nhau trong nước mắt, vô tình, chú bé An cũng khóc và chính chúng ta đây bất giác thấy đau xé lòng. Viết nên câu chuyện ấy, phải chăng Nguyên Hồng cũng đang thấu cảm cho chính phận mình, một số phận thiếu đi tình yêu thương, sống trong tủ nhục, bất hạnh và thiếu vắng hơi ấm tình thương người mẹ. Ông từng trải qua nhiều cảnh đời cơ cực, gặp gỡ tâm tư tưởng bác ái của Thiên Chúa giáo, để rồi khúc xạ qua truyện ngắn ấy là một tâm hồn giàu lòng thương người, giàu phát hiện tinh tế mà nhân văn. Chính ở đây, trang văn nóng hổi giọt nước mắt của người mẹ, nay lại rớt rơi giọt lệ của người nghệ sĩ - Nguyên Hồng đã gọi dậy tất thảy những điều tưởng như chìm khuất giữa cuộc đời cay cực của ông, đưa vào trang sách những chiêm nghiệm rất đời song cũng đủ để nâng đỡ cuộc sống mỗi con người. ***(Đặc trưng văn học, Chức năng văn học, Đặc trưng truyện ngắn, nhà văn và quá trình sáng tạo, phong cách nhà văn)***

CHÚ Ý: Phong cách Nguyên Hồng: Sống với những tủ nhục, bất hạnh ngay từ khi sinh ra, Nguyên Hồng sớm ý thức được những ngang trái của cuộc đời, sử dụng ngòi

bút của mình để đồng cảm, sẻ chia, rung cảm cùng nỗi đau của những con người cùng khổ trong xã hội.

- **“Nước mắt” - Nam Cao**

Truyện “Nước mắt” lấy cảm hứng từ câu nói của một nhà văn Pháp: *“Người chỉ xấu xa, hư hỏng trước đôi mắt ráo hoảnh của phường ích kỷ, và nước mắt là một miếng kính biến hình vũ trụ”*. Nhân vật chính là Điền, với lối viết truyện về những câu chuyện tưởng chừng như vật vãnh nhưng được trần thuật hấp dẫn và chủ đề lớn lao vượt lên khỏi phạm vi đề tài, “Nước mắt” kể về sự dằn vặt, bức dọc, gắt gỏng nhau của những con người vì khổ quá mà người này cứ nghĩ vì người khác mà mình mới khổ. Chuyến đi lên tỉnh nhận tiền lương của Điền là câu chuyện bi hài: cuộc đụng độ với người thư ký khiến một tờ giấy bạc bay mất, Điền phải nhịn ăn sáng, lếch thếch đi bộ về để tiết kiệm tiền nhưng lại quên mua thuốc cho con. Cuộc cãi vã với vợ khiến “hắn thấy mình khổ quá, khổ như một con chó vậy”. Nhưng đúng như tựa đề, tiếng khóc thút thít của đứa con bị bệnh đã khiến Điền ngấm lại về lẽ đời và thờ dài ngao ngán cho kiếp mình và kiếp người: “Bây giờ trong lòng hắn chỉ còn lại sự xót thương. Hắn thương vợ, thương con, thương tất cả những người phải khổ đau. Lòng hắn thiết tha rướn lên muốn vươn ra để áp ôm lấy mọi người. Mắt hắn đầm đìa”. “Nước mắt” là lời nhắn gửi chân thành về sự đồng cảm, thương yêu đối với những người vì cơ khổ quá mà trở nên tàn nhẫn. (***Đặc trưng văn học, Chức năng văn học, Đặc trưng truyện ngắn, nhà văn và quá trình sáng tạo, phong cách nhà văn***)

Phong cách Nam Cao: Trước Cách mạng, Nam Cao quan tâm đến số phận những người nông dân và trí thức tiểu tư sản bị chèn ép, chà đạp, bị số phận ghì sát đất. Đi sâu vào số phận những con người ấy, Nam Cao tài tình diễn tả những bi kịch bị bản cùng hóa, lưu manh hóa, trở thành những tâm hồn bị thui chột, méo mó, mất đi bản chất là người, phải đối diện với kiếp sống quẩn quanh, thậm chí cái chết để giải thoát.

- **“Một đám cưới” - Nam Cao**

“Một đám cưới” ra đời vào năm 1944, khi mà cái đói mon men đến gần, len lách vào từng ngõ ngách trong cuộc sống của người lao động - những con người vốn đã nghèo khổ, sống một cuộc sống cơ cực, triền miên chìm trong bần cùng, khốn khó. “Một đám cưới”, đúng như tên của truyện, kể về một đám cưới nghèo. Dân “nghèo từ trong trứng”, thuở nhỏ đi ở, đến khi về nhà thì mẹ đã mất, một mình người bố dè sẻn nuôi hai đứa em thơ. Cả nhà Dân sống lay lắt trong thời buổi thóc cao gạo kém, đồng tiền mất giá, lại hạn hán, bão lũ làm cho mất mùa. Họ chỉ dám cố sống để làm sao cho khỏi chết đói. Trước khi lên rừng để kiếm đồng tiền bát gạo, bố Dân đồng ý gả Dân cho nhà chồng đã đính ước từ lâu. Một đám cưới tuềnh toàng, đơn sơ diễn ra trong những ngậm ngùi, chua xót, buồn tủi: “Cả bọn đi lủi thủi trong sương lạnh và bóng tối như một gia đình xẩm lẳng lặng dắt díu nhau đi tìm chỗ ngủ...”.

→ Thiên truyện ngắn “Một đám cưới” đã vẽ nên một bức tranh nông thôn xám xịt mà trung tâm của bức tranh ấy chính là khuôn mặt người nhàu nhĩ vì đói, vì nỗi lo sinh kế nặng trĩu. Đọc tác phẩm, người đọc cảm động về tình cha con ấm áp, bù ngùi vì

những kiếp sống nhọc nhằn trong xã hội cũ. (*Đặc trưng văn học, Chức năng văn học, Đặc trưng truyện ngắn, nhà văn và quá trình sáng tạo, phong cách nhà văn*)

4. Văn xuôi lãng mạn (trước 1945)

● “Sợi tóc” - Thạch Lam

“Sợi tóc” là truyện ngắn dễ hiểu được tạo nên bởi tình huống đơn giản nhưng chứa đựng trong đó là dòng nội tâm hết sức phức tạp của nhân vật. Câu chuyện bắt đầu khi Bân, người anh họ của Thành rủ anh xuống phố, để chọn giúp mình một chiếc đồng hồ. Trong suốt cuộc đi chơi ấy, chiếc ví dày cộp với những tờ tiền đủ mệnh giá của Bân đã thu hút sự chú ý của Thành. Câu chuyện được đẩy lên cao trào khi Thạch Lam tạo ra một tình huống thuận lợi để nhân vật chính có cơ hội lấy được vật chứa đầy tiền bạc trong túi áo của Bân.

→ Khoảnh khắc ấy, lòng tham của Thành được đánh thức, trong đầu anh bày ra một viễn cảnh tĩ mĩ về việc lấy trộm chiếc ví của Bân. Anh biết rằng mọi chuyện sẽ trôi qua thật êm đẹp và chỉ cần vài lời nói dối, người anh họ cũng chẳng thể nghi ngờ mình. Thành còn nghĩ đến tình huống, Bân hỏi hà kẻ cho anh nghe việc mất ví và anh sẽ diễn thật tự nhiên rồi nhanh chóng tiêu mấy đồng bạc đó. “*Tất cả những cách xếp đặt ấy diễn qua rất nhanh trong trí tôi. Chỉ một thoáng thôi, tôi đủ tưởng tượng được các việc xảy ra như thế, êm thấm và yên lặng, và trôi chảy... dễ dàng quá, mà không còn sợ cái gì cả...*”

Có khoảnh khắc, chúng ta nghĩ rằng Thành đã bỏ quên lương tri để ăn cắp số tiền của Bân nhưng cái giật mình của anh đã đưa cả nhân vật và độc giả quay về hiện thực để biết rằng Thành vẫn đứng bên bờ vực của cái tốt. Sau bao nhiêu đắn đo, toan tính, khoảnh khắc Thành bước ra khỏi nhà hát với chiếc áo của mình trên tay và không một đồng tiền nào của Bân trên người, cũng là khi anh thoát khỏi thách thức của lòng tham cũng như mê lực của đồng tiền. Thành đứng chấp chới giữa ranh giới mong manh của sạch sẽ và bị vấy bẩn nhưng cuối cùng anh đã giữ cho mình một lương tri sạch sẽ. Chính Thành cũng không hiểu lý do mà anh quyết định như thế, sau khi ra về anh vẫn còn thấy chút tiếc nuối và biết mình không còn cơ hội động vào chiếc ví nữa. “*Tôi cảm thấy một cái thú khoái lạc kỳ dị, khe khẽ và thầm lặng rung động trong người, có lẽ là cái khoái lạc bị cám dỗ, mà cũng có lẽ cái khoái lạc đã đè nén được sự cám dỗ. Và một mối tiếc ngấm ngấm, tôi không tự thú cho tôi biết và cũng cố ý không nghĩ đến, khiến cho cái cảm giác ấy của tâm hồn tôi thêm một vẻ rờn rợn và sâu sắc.*”

→ Thành cảm nhận được khoái lạc của sự cám dỗ, tuy nhiên anh cũng khoan khoái khi chiến thắng được chúng, giữa một khoảng cách chỉ mong manh như sợi tóc. Nhân vật chính đã có thể đứng thẳng lưng bước về và cảm nhận làn gió tạt vào vàng trán nóng, không chút day dứt, lo toan.

⇒ Thạch Lam đã khai thác một chủ đề không bao giờ lỗi thời về lòng tham và lương tri con người. Trong xã hội, dù quá khứ hay hiện tại, chúng ta luôn phải đối mặt với những quyết định rằng sẽ thỏa mãn tham vọng cá nhân hay níu lại lương tri trong sáng.

Cuộc đấu tranh trong nội tâm con người sẽ luôn diễn ra và không có hồi kết, buộc chúng ta phải vượt qua và chiến thắng cảm dỗ.

(Đặc trưng văn học, Chức năng văn học, Đặc trưng truyện ngắn, nhà văn và quá trình sáng tạo, phong cách nhà văn)

CHÚ Ý: Phong cách nghệ thuật Thạch Lam: Văn chương Thạch Lam là sự hòa quyện giữa chất hiện thực và chất lãng mạn. Ông có những cảm nhận tinh tế về con người và tạo vật, rung cảm trước những giá trị tồn tại quanh mình và mong cầu nâng đỡ những số phận tăm tối trong xã hội

● **“Đêm ba mươi” - Thạch Lam**

- Khác với chốn lầu xanh rộn rã, huyền ảo trong thơ Nguyễn Du: “*Biết bao bướm lả ong lơi/Cuộc say đầy tháng, trận cười suốt đêm*”. Liên và Huệ sống nương tựa vào nhau trong một căn buồng sẫm chật hẹp, tối tăm. Đôi lúc họ phải ngủ vùi trong chăn để xua đi cơn đói. Căn buồng dung chứa bao tháng ngày ô uế, tủi nhục của hai cô gái. “*Cái giường Hồng Kông cũ, đồng han và giẻ xam, cái bàn gỗ ẩm ướt ở góc tường, hai cái ghế long chân...*”, tất thảy gợi ra một ấn tượng sâu sắc về sự cùng cực, khốn nghèo
- Đặt hai người con gái ấy vào thời khắc thiêng liêng của tối ba mươi, Thạch Lam đi đến nơi tận sâu tâm hồn họ để viết nên những rung động thâm kín, lắng nghe trong trái tim những con người tội nghiệp ấy những nhịp đập khát khao. Một nỗi khao khát mãnh liệt nhưng không thể với tay lên bầu trời xám xịt của số phận để níu lấy những vì tinh tú. Cuộc đời vốn cay nghiệt, đôi khi để níu giữ sự sống của mình, người ta đành “chút lòng trinh bạch từ sau xin chừa”. Nhưng họ vẫn khư khư giữ lại tâm hồn trong sáng, thiện lương của mình.
- Kết thúc câu chuyện, pháo hoa soi vào hai con người tội nghiệp làm sáng lên những giọt nước mắt chưa khô, tuy long lanh đượm vị đau khổ, nhưng làm lan tỏa hơi ấm của những cái ôm an ủi, vỗ về, che chở nhau trước cuộc đời nghiệt ngã. Pháo hoa tung lên, nở thành những tia sáng chói lòa rực rỡ, nhưng những thân kiếp ấy sẽ ra sao? Liệu tương lai cuộc đời họ vẫn mãi là một màu xám xịt? Và phải chăng, giao thừa năm sau, đôi má đã hằn thêm vài nếp nhăn của họ vẫn lẫn dài những giọt nước mắt đau khổ?

⇒ Đọc truyện Thạch Lam, ta động lòng trắc ẩn trước những thân phận cùng khổ và dấy lên niềm trân trọng, khâm phục tấm lòng nhân hậu của nhà văn. Thạch Lam không chỉ trở cười chê, phớt ra mảnh vá trên lưng áo những mảnh đời cơ cực ấy mà cúi xuống áp ôm nâng niu, cố xoa dịu đi những vết đau của họ. Nhà văn viết về nỗi bất hạnh của những kiếp người khốn nghèo, tìm kiếm “hạt ngọc trong tâm hồn” họ, để giúp ta thấu cảm, biết yêu thương hơn những mảnh đời cơ cực, để trái tim và cánh tay ta dang rộng hơn với những kiếp người đang lay lắt giữa gió bụi cuộc đời ở ngoài kia.

(Đặc trưng văn học, Chức năng văn học, Đặc trưng truyện ngắn, nhà văn và quá trình sáng tạo, phong cách nhà văn)

5. Văn học Cách mạng (1945 - 1975)

• “Gửi em cô thanh niên xung phong” (Phạm Tiến Duật)

“Cạnh giếng nước có bom từ trường
Em không rửa, ngủ ngày chân lấm
Ngày em phá nhiều bom nổ chậm
Đêm nằm mơ nói mơ vang nhà...”
Chuyện kể từ nỗi nhớ sâu xa
Thương em, thương em, thương em biết mấy!”

Phạm Tiến Duật đã khắc họa thành công một khung cảnh của mưa bom bão đạn, của không khí tàn khốc một thời chiến tranh, nhưng con người hiện lên không bi lụy mà mang một dáng hình, một chân dung bất khuất và ung dung đến lạ: Phá bom - công việc tưởng chừng cận kề cái chết, tưởng chừng nguy nan đến nghẹt thở nay lại hiện lên qua thơ Phạm Tiến Duật nhẹ nhàng và bình thản trong tâm thức của một cô gái tuổi đôi mươi. Họ - một thế hệ trưởng thành giữa tuyến lửa Trường Sơn - đã đi qua cái chết để chiêm nghiệm sự sống bởi “Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh, bởi một ý chí quật cường và một trái tim hướng về Tổ quốc.

(Chức năng văn học, Đặc trưng văn học, Nhà văn và quá trình sáng tạo, Đặc trưng của thơ)

• “Nhớ” - Phạm Tiến Duật

“Cái vết thương xoàng mà đi viện
Hàng còn chờ đó, tiếng xe reo
Nằm ngửa nhớ trăng, nằm nghiêng nhớ bến
Nôn nao ngồi dậy nhớ lưng đeo.”

Lời thơ là sự bộc bạch của người lính lái xe, mang tâm thế của thế hệ trẻ trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mỹ của dân tộc. Đó là cái phong thái ung dung, tự tại, mang chất ngang tàng, ngạo nghễ của một tâm hồn giàu chất sống. Mang theo một niềm tin, một nỗi khát vọng “Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước”, mỗi người lính luôn ý thức cao độ giá trị bản thân, để rồi từ đó khát khao xả thân, đi sâu vào cuộc chiến mà cống hiến sức trẻ vì độc lập dân tộc. Từng câu thơ vang lên như lời tự bạch, hay cũng chính là tinh thần chiến đấu vì độc lập dân tộc, với tinh thần “Chúng tôi ra đi không tiếc đời mình”

(Chức năng văn học, Đặc trưng văn học, Nhà văn và quá trình sáng tạo, Đặc trưng của thơ)

• “Núi Đôi” - Vũ Cao

“Anh đi bộ đội, sao trên mũ
Mãi mãi là sao sáng dẫn đường.
Em sẽ là hoa trên đỉnh núi
Bốn mùa thơm mãi cánh hoa thơm.”

“Núi Đôi” là lời bộc bạch đầy xúc động của người con trai trước thực tế phũ phăng: “Mời tôi đầu ao tin sét đánh/Giặc giết em rồi, dưới gốc thông”. Tình yêu đôi lứa nay

tan vỡ, nhưng nó không biến mất, hòa nhập vào tình yêu lớn với Cách mạng, với kháng chiến. Đó là niềm đau, nhưng cũng làm bùng lên ý chí, tinh thần chiến đấu xả thân vì những giá trị chân chính của cuộc đời. Em mất đi da thịt, nhưng sẽ hóa thân vào tình yêu, vào tinh thần chiến đấu, vào từng bước chân anh đi, là vì “sao sáng dẫn đường” mỗi bước chân anh qua. Cái chết không phải là kết thúc bi lụy cho cuộc đời con người, mà sẽ còn mãi, soi sáng người ở lại vì cuộc kháng chiến trường kì của dân tộc.

(Chức năng văn học, Đặc trưng văn học, Nhà văn và quá trình sáng tạo, Đặc trưng của thơ)

- **“Màu tím hoa sim” - Hữu Loan**

Bài thơ mang một cảm quan mới mẻ chưa từng có về cuộc chiến của dân tộc: Đó đâu còn là “những buổi vui sao cả nước lên đường”, hay “đường ra trận mùa này đẹp lắm”; mà mang theo nỗi đau chia lìa, nỗi xót xa của con người trước sinh ly tử biệt:

“Nhưng không chết
người trai khói lửa
Mà chết
người gái nhỏ hậu phương”

Bài thơ là sự bộc bạch nỗi lòng về một cuộc tình đau khổ trong cuộc chiến khốc liệt của dân tộc: tình yêu phải chia xa, con người mang theo những nỗi khắc khoải nhớ mong đến tận cùng. Nỗi đau càng dâng trào khi người cán bộ Việt Minh nơi xa ngày trở về với mong muốn đoàn tụ lại nhận một tin sét đánh - người vợ của mình đã ra đi trước ngày hội ngộ. Tiếng thơ vì thế mà như tiếng nói lên án chiến tranh, phản đối thủ phạm tạo nên những chia lìa, đứt gãy tinh thần vốn có nơi trái tim mỗi con người.

(Chức năng văn học, Đặc trưng văn học, Nhà văn và quá trình sáng tạo, Đặc trưng của thơ)

6. Văn học sau 1975

6.1. Thơ ca

- **“Đường tới thành phố” - Hữu Thỉnh**

“Một mình một mâm cơm
Ngồi bên nào cũng lệch
Chị chôn tuổi xuân trong má lúm đồng tiền”

“Lệch” ấy không chỉ là cái “lệch” của không gian, vị trí mà còn là cái chênh vênh của con người. Trở về với thời bình, những tưởng “Sấm cũng bớt bất ngờ/ Trên hàng cây đứng tuổi”, song con người vẫn không thể tránh khỏi nỗi đau. Cuộc sống thời bình đâu chỉ bình yên, mà còn đâu đó những gió giông. Hơn nữa, nếu bão tố ở bề ngoài thì còn dễ chế ngự, chinh phục; còn cái ẩn tàng trong mặt hồ phẳng lặng, yên bình thì đầy đón đau, dày vò con người đến nhường nào. “Má lúm đồng tiền” vẫn hiện hữu, những “tuổi xuân” chẳng về, mang theo cái trống vắng hoang hoải. Khai thác con người cá nhân, chưa bao giờ ta thấy đầy những bi kịch đến vậy: Con người cô đơn giữa đời thường, con người lạc lõng giữa tất cả xung quanh...

(Đặc trưng văn học, đặc trưng thơ, chức năng văn học)● **“Canh cá trầu” - Chế Lan Viên**

Canh cá trầu mẹ thường hay nấu khế
 Khế trong vườn thêm một tý rau thơm
 Ủ, thế đó mà một đời xa cách mẹ
 Ba mươi năm trở lại nhà, nước mắt xuống mâm cơm!

- Là người con của mảnh đất Quảng Trị, lớn lên ở Quy Nhơn, Bình Định, khi nhắc đến cá trầu, chẳng riêng Chế Lan Viên, con người miền Trung nào cũng thấy thương, thấy nhớ - nhớ dư vị quê hương, thương những con người vất vả, lam lũ, tảo tần. Chẳng gì hơn một thức quà của quê hương, được chính tay người mẹ gửi cả tâm hồn và nỗi niềm vào trong, ngọt lành của bát “canh cá trầu” chẳng phải đã chảy tràn trong hồn thi sĩ, để nuôi dưỡng và săn sóc từng ngày người con ngày nào. Bằng lớp ngôn từ giản đơn, giàu khẩu ngữ, nỗi nhớ mẹ, nhớ hương vị quê nhà đã bộc lộ trọn vẹn qua từng câu thơ.
- Mạch cảm xúc của bài thơ dần chuyển sang nỗi nhớ thương, day dứt với câu thơ: “Ủ, thế đó mà một đời xa cách mẹ”. Câu thơ vang lên như tiếng nấc ứ đầy, như nỗi niềm khắc khoải. Ba mươi năm ấy, con rời xa vòng tay mẹ phục vụ Cách mạng. Ba mươi năm ấy, nỗi nhớ mẹ chưa bao giờ nguôi ngoai. Ba mươi năm ấy đã tới luyện con đã trưởng thành, nhưng mẹ cũng chẳng còn ở đó. Chẳng gì đau đớn bằng nỗi đau mất mẹ và “giọt nước mắt” chưa xót xuống mâm cơm vốn được mẹ chăm lo. Câu thơ xuất phát từ những gì thuần đơn, giản dị và bình thường của ngôn từ, nhưng mang giá trị, dấu ấn sâu sắc, làm “bật lại” những thông điệp sâu sắc về tình mẫu tử thiêng liêng, về nỗi ưu tư của mỗi người con khi vắng đi bóng mẹ, dấu đã trưởng thành cũng sẽ để lại khoảng trống khôn cùng.

(Đặc trưng văn học, đặc trưng thơ, chức năng văn học phong cách nghệ thuật)

Phong cách Chế Lan Viên: Thơ Chế Lan Viên nổi bật nhất là chất suy tưởng triết lý mang vẻ đẹp trí tuệ và sự đa dạng, phong phú của thế giới hình ảnh. Chất suy tưởng triết lý mang vẻ đẹp trí tuệ và sự đa dạng, phong phú, mang nhiều ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh thơ được sáng tạo bởi một ngòi bút thông minh, tài hoa

● **“Bàn tay em” - Xuân Quỳnh**

- Là người thông minh, khéo léo, đảm đang, Xuân Quỳnh hiểu rõ giá trị của đôi bàn tay phụ nữ, lấy cảm hứng từ bàn tay em, nhờ đó đã chọn được tứ thơ khác lạ, độc đáo.

“Bàn tay em ngón chẳng thon dài
 Vết chai cũ đường gân xanh vất vả
 Em đánh chắt choi chuyên thuở nhỏ
 Hái rau rền rau rệu nấu canh
 Tập vá may, tết tóc một mình
 Rồi úp mặt lên bàn tay khóc mẹ

Qua hình ảnh đôi bàn tay, người đọc thấy được bóng dáng người phụ nữ lam lũ, giàu tình cảm. Người ấy không chỉ thể hiện tình yêu của mình qua ánh mắt, lời nói, còn âm thầm làm việc chăm lo cho cuộc sống gia đình, vun đắp cho cây tình yêu xanh tốt: phơi mền, vá áo, thắp sáng ngọn đèn... Đôi bàn tay em biểu đạt một tâm hồn đẹp và khéo léo: cắm hoa, treo tranh, *“Lấy thời gian đan thành áo mong chờ/ Lấy thời gian em viết những dòng thơ”*. Chính đôi bàn tay ấy chăm lo cho chồng, cho mẹ, cho con từng bữa ăn, giấc ngủ, xoa dịu nỗi đau *“Và góp nhặt niềm vui từ mọi ngả”* để gia đình thực sự là tổ ấm hạnh phúc. Giá trị nhân văn sâu sắc của bài thơ là đã làm hiện lên chân thực hình ảnh người phụ nữ Việt Nam dịu dàng, tần tảo, đảm đang, giàu đức hy sinh và luôn khát khao một cuộc sống gia đình bình yên, hạnh phúc. **(Đặc trưng văn học, đặc trưng thơ, chức năng văn học, phong cách nghệ thuật)**

Phong cách thơ Xuân Quỳnh: Thơ Xuân Quỳnh in đậm vẻ đẹp nữ tính, là tiếng nói của một tâm hồn giàu trắc ẩn, hồn hậu, chân thực và luôn da diết nỗi khát vọng hạnh phúc đời thường

- **“Sông Đáy” - Nguyễn Quang Thiều**

“Sông Đáy ơi, sông Đáy ơi... chiều nay tôi trở lại

Mẹ tôi đã già như cát bên bờ

Ôi mùi cát khô, mùi tóc mẹ tôi

Tôi quỳ xuống vốc cát áp vào mặt

Tôi khóc.

Cát từ mặt tôi chảy xuống ròng ròng.”

Xúc cảm trào dâng trong trái tim thì sẽ bật ra thành tiếng “Sông Đáy ơi” như thể tiếng gọi thiết tha báo hiệu sự trở lại của mình. Sông Đáy chảy tràn trong trái tim và tâm hồn Nguyễn Quang Thiều như một mảnh kí ức đẹp, một chứng nhân cho lòng ân nghĩa với quê hương. Mùi cát khô bên bờ hay là mùi tóc mẹ thoảng hương gọi về bao xúc cảm từ trái tim, để rồi lúc đoàn tụ cũng là khoảnh khắc nhà thơ “quỳ xuống vốc cát áp vào mặt”. Đó là hành trình trở về của con người nặng lòng với bản quán, với những người thân yêu để rồi giọt nước mắt sau cùng chính là hạnh phúc dâng trào, tạo sinh bởi thứ tình cảm thiêng liêng, tốt đẹp của con người: tình mẫu tử, tình yêu quê hương, yêu thiên nhiên, con người. Trong những dòng thơ trữ tình mang màu sắc tự sự ấy, người ta thấy được những tư tưởng mới, quan điểm mới về giá trị sống, những cái nhìn của “tôi” về cuộc đời. **(Đặc trưng văn học, đặc trưng thơ, chức năng văn học, nhà văn và quá trình sáng tạo, phong cách nghệ thuật)**

CHÚ Ý: Một khía cạnh của **phong cách Nguyễn Quang Thiều** là nỗi ân tình với quê hương qua từng dòng thơ. Làng Chùa - quê hương của Nguyễn Quang Thiều - có lẽ đã làm nên những vần thơ đậm đà chất sống, nặng lòng với tuổi thơ, gia đình, làng quê, với những con người đã nhập hòa vào tâm hồn thi sĩ suốt hành trình sống.

- **“Tôi” - Vi Thùy Linh**

“Tôi đã nhìn mình qua gương khi khóc và khi cười, như người độc diễn

Cuộc sống: sân khấu kịch phi lý

Đời mình – vai bi hay vai hài, tôi không biết

Tôi là tôi

Một bản thể đầy mâu thuẫn!”

Tiếng thơ là lời tuyên ngôn đầy kiêu hãnh về bản thể chính mình. Vi Thùy Linh khẳng định cuộc đời đầu có là “sân khấu phi lí” nơi mỗi con người phải “độc diễn” cho chính đời mình, nhưng cuối cùng, ai rồi cũng phải thoát khỏi phận diễn viên ấy mà trở lại với chính mình: “Tôi là tôi”. Tiếng thơ vang lên như một sự vượt thoát khỏi mọi quy tắc, mọi “vai bi” hay “vai hài” ở đời - những định kiến kiềm tỏa tâm hồn rộng mở đầy phức tạp của con người. Giá trị bản thân ở đó, mà chỉ “tôi” mới có khả năng kiến giải, tìm câu trả lời cho riêng mình. **(Đặc trưng văn học, đặc trưng thơ, chức năng văn học, phong cách nghệ thuật)**

Phong cách Vi Thùy Linh: Mỗi vần thơ đều in đậm cái tôi độc đáo, khẳng định giá trị làm người, khơi sâu cõi vô thức của con người, nhìn vào bản chất của đời sống để khái quát thành những quy luật mang tính bản chất. Thơ Vi Thùy Linh mang một cá tính độc đáo, kiêu hãnh khẳng định mình.

6.2. Truyện ngắn

• “Người sót lại của Rừng Cười” - Võ Thị Hảo

“Người sót lại của rừng cười” - chắc hẳn ai trong chúng ta cũng đều liên tưởng đến một khu rừng hạnh phúc, tràn ngập tiếng cười. Thế nhưng “rừng cười” hóa ra lại là rừng của những con người “điên loạn” và “tàn lụi” trong nỗi cô đơn. Qua tác phẩm, nhà văn Võ Thị Hảo đã bộc lộ cho người đọc cảm nhận đầy sâu sắc những nỗi đau mà chiến tranh mang lại – nỗi đau không chỉ ở thể xác mà còn ở tâm hồn của những cô thanh niên xung phong.

Chiến tranh không chỉ tước đi sự sống của những người đã sống, đau đớn hơn, chiến tranh còn tước đi sự sống của những người đang sống. Thảo – một cô gái với “mái tóc óng mượt dài chấm gót” sau hai tháng đã trở nên “chỉ còn là một túm sợi mỏng mảnh xơ xác”. Trong cô đơn sâu thẳm, các thiếu nữ nơi đây phát đi muôn vàn thông điệp của tình yêu nhưng họ không được nhận lại, rồi sinh ra chán nản, yếu mềm, tiều tuỵ, cô đơn, tuyệt vọng: “Cô thấy thương các chị đến quặn ruột. Cô buồn tủi, tiếc cho lòng trinh bạch con gái”. Chỉ duy Thảo còn sống sót sau cuộc chiến, song tổn thương do chiến tranh để lại những “vết thẹo” trong tâm hồn người thiếu nữ. Cô mang một nỗi buồn thấm khôn nguôi – nỗi buồn chiến tranh. “Việc chiến tranh lôi những người phụ nữ vào chiến cuộc thật khủng khiếp. Tôi sẵn sàng chết hai lần cho họ khỏi lâm vào cảnh ấy”. Một câu nói ngắn ngủi nhưng đầy trăn trở, gợi nỗi niềm cảm thông và những day dứt đầy nhân văn về thân phận con người.

Vết thương chiến tranh để lại dường như không thể phai dấu, ám ảnh, ngăn trở con người về lại với cuộc sống đời thường và ám ảnh Thảo trong những giấc mơ: “Còn trong giấc mơ tuổi thanh xuân, cô chỉ thấy tóc rụng như trút, rụng đầy khuôn ngực đã bị đâm nát của chị Thắm, và từ trong đám tóc rối ấy lấy ra hai giọt nước mắt trong veo và rần câng như thủy tinh, đập mãi không vỡ”.. Giá như họ biết buông đi

đón đau để làm lại từ đầu, để trân trọng sự sống và tự do mà bao người đã giành lấy cho họ bằng mạng sống, thì phải chăng mọi chuyện sẽ tốt đẹp hơn? Nhưng, làm sao mà quên được, khi chiến tranh đã hằn in trên thân thể, đã cứa vào máu thịt con tim?

(Đặc trưng văn học, Chức năng văn học, Đặc trưng truyện ngắn, Thiên chức nhà văn)

● **“Mùa hoa cải bên sông” - Nguyễn Quang Thiều**

Mùa hoa cải bên sông là thiên truyện kể về cuộc sống của một gia đình trên một chiếc thuyền cô độc neo đậu bên bến sông Đáy. Đó là chốn nương thân của ông Lư cùng ba người con: Sỏi, Cát, Chinh. Dịch bệnh đã tước đoạt sự sống của người mẹ trong gia đình, cũng là mối lửa nhen nhóm lời nguyên của ông Lư: ông đã chôn vùi vợ mình xuống đáy sông và thề rằng dòng họ của ông sẽ mãi mãi không đặt chân lên bờ. Cuộc sống ấy bức bối, tẻ nhạt và vô vị trong con mắt của những đứa con, song chẳng ai có đủ dũng khí giẫm đạp lên tín ngưỡng của người cha. Nhưng rồi ai dám mình trong chốn ao tù nước đọng được mãi khi mà ngoài kia thế giới thì bao la và đầy hứa hẹn. Chinh không cưỡng nổi sức hút của cuộc sống trên bờ mà bất chấp *đặt chân lên dải đất mịn màng phù sa để nằm trên thảm cỏ xanh ven đê làng*, ngửi hương thơm của hoa dại, hái những bông hoa cải bên bờ và hơn hết là sự nảy nở một tình yêu trong sáng với chàng trai chân chất tên Thao. Nhưng rồi, những mơ mộng, trong sáng và tuyệt bích nảy nở trong thức nhận của Chinh đã tan vỡ bởi sự bảo thủ, mê muội của người cha. Câu chuyện kết thúc mở, gợi cho người đọc nhiều suy tư và nỗi niềm; song đến tận cùng của tuyệt vọng, hạnh phúc nhỏ nhoi vẫn nảy nở như tự thân nó vẫn chiếm hữu sự sống: *Thao bỗng thấy trái tim rung lên đập hồi hả. Anh chạy ủa xuống bến. Bỗng anh quỳ xuống bên luống cải. Trước mắt anh, trên mặt phù sa rụng lảm tảm những cánh hoa mỏng và từ đó kéo dài xuống bến sông là những dấu chân mỏng và nhỏ nhắn.*

⇒ Kết thúc truyện: Kết thúc câu chuyện, nhân vật Thao được gọi lại dáng hình của Chinh qua những cánh hoa cải vàng mỏng mảnh, tinh khiết và đón đau như tâm hồn cô. Đó chỉ là một chút nắng ấm giữa cái hoang hoải của hồn người. Kết truyện không tô màu hồng cho hiện thực, mà nó tạo nên mảnh hiện thực trần trụi nhất: Ta phải chấp nhận con người dửng dưng, tiên phong vượt qua ranh giới không phải lúc nào cũng có một cái kết viên mãn; tình yêu không phải lúc nào cũng vượt lên để neo đậu mãi mãi. Tình yêu thuần khiết và tấm lòng của cô gái dù to lớn mảnh liệt ra sao, cuối cùng cũng tan vào trong mờ ảo, đi vào lòng sông vô tận, không thể níu giữ..

(Đặc trưng văn học, Chức năng văn học, Đặc trưng truyện ngắn, Thiên chức nhà văn)

● **“Củ khoai nướng” - Tạ Duy Anh**

Truyện ngắn “Củ khoai nướng” đã phác họa sự mong manh như “sợi tóc” giữa lương tâm và tội lỗi của chính con người. Tạ Duy Anh lên tiếng trước tham vọng và nguy cơ băng hoại đạo đức, mất đi bản chất người. Giọng điệu trần thuật của truyện không day nghiêng, yếu tố tự vẫn không đậm nét những thông điệp ý nghĩa đã chạm

vào tâm lý bạn đọc. “Hình như đã có người phải quay mặt đi vì không dám ước có được nó”... Đằng sau những câu chuyện đời thường là triết lý sâu sắc về cuộc sống. Tác phẩm là sự nhắc nhở, để người đọc tự đối diện và đối thoại với chính mình, để có thể chiêm nghiệm về giá trị của bản thân. (*Đặc trưng văn học, Chức năng văn học, Đặc trưng truyện ngắn, Thiên chức nhà văn*)

7. Văn học nước ngoài

• “Khuê oán” - Vương Xương Linh (Thơ thời Đường - Trung Quốc)

*“Khuê trung thiếu phụ bất tri sầu,
Xuân nhật ngưng trang thương thủy lâu.
Hốt kiến mạch đầu dương liễu sắc,
Hối giao phu tế mịch phong hầu.”*

Cuộc đời Vương Xương Linh có cuộc đời thăng giáng bất thường. Có lẽ bởi vậy, ông làm nên nhiều bài thơ được coi là “thần phẩm”, trong đó nổi bật là “Khuê oán” - nỗi sầu đau, oán hận, tiếng kêu than cho thân phận con người trong chiến tranh.

+) Mở đầu bài thơ, người ta thấy hình ảnh người thiếu phụ với mong muốn chồng vào nơi chiến trường để khi trở về được “tập ấm”. Người ta nhận ra thân phận một người đàn bà trẻ ngây thơ không biết buồn, hồn nhiên trước cơn biến lưu của cuộc đời. Trong khi chồng đang chinh chiến nơi chiến trường biên ải xa xôi, đối mặt với hiểm nguy và cái chết, nàng vẫn chưa nhận thức được mối nguy đó. Mới thiếu vắng bóng dáng người chồng chưa lâu có lẽ nàng chinh phụ vẫn chưa biết sầu mặc, vẫn bình thản với cuộc sống hàng ngày, điềm nhiên làm việc trong vui vẻ.

+) Câu 3 (câu CHUYỂN): Người thiếu phụ nhìn thấy màu dương liễu đầu đường - sắc màu ấy gợi nhắc sự li biệt, gợi ra sự chia li - người phụ nữ còn trẻ, tuổi còn thanh xuân nhìn thấy màu dương liễu như bất an, như thấm thía nỗi buồn của sự chia li, của sinh li tử biệt. Thời gian nay vẫn còn trẻ nhưng biết đến bao giờ mới được đoàn tụ

+) Hành trình phát triển tâm lý: từ chỗ không biết đến chỗ đôn ngộ để thấm thía tội ác chiến tranh. Chiến tranh chính là nguyên nhân của sự rạn vỡ tình cảm gia đình, làm phiêu pha tuổi trẻ của con người. Người phụ nữ trẻ hiểu rằng đó là cuộc chiến tranh phi nghĩa, rồi tuổi xuân sẽ qua đi, rồi thời gian sẽ ứa tàn, màu dương liễu li biệt, không biết bao giờ chồng mình mới có thể trở về

→ Đó phải chăng là tiếng nói tố cáo chiến tranh trong thơ Vương Xương Linh

(*Đặc trưng văn học, Chức năng văn học, Thiên chức nhà văn, Đặc trưng thơ*)

• “Số phận con người” - Sholokhov (VH Nga)

Tác phẩm theo chân Sokolov và hành trình tìm lại những hạnh phúc nhỏ nhoi của cuộc đời con người sau những chia lìa của sinh ly tử biệt sau cuộc chiến trường kỳ giữa Hồng quân Liên Xô và quân đội Phát xít. Tưởng như tất cả đã sụp đổ trong người đàn ông ấy khi những tin sét đánh lần lượt đến với anh, để rồi hi vọng sống duy nhất - đứa con trai - cũng đã mất mạng dưới mũi súng lạnh lẽo của quân Phát xít. Song Sokolov đã tìm thấy cậu bé Vania - một tâm hồn bé bỏng nhưng chai sạn với những khổ đau. Hai con người ấy đã chở che và viết tiếp hành trình của cuộc đời, để dẫn phía trước

còn đó những khó khăn, nhưng tình người, lòng nhân ái bao la và rộng lớn sẽ giúp hai cha con vượt lên tất cả. “Số phận con người” là bài ca đẹp về tình người, tình thân giữa nơi tưởng chừng là sự hủy diệt của bom đạn, lạnh lẽo và chai sạn của tâm hồn.

(Đặc trưng văn học, Chức năng văn học, Thiên chức nhà văn)

- “Bài ca về tận thế” - C.Milosz (Ba Lan)

C.Milosz đã tạo nên sự đối lập trong lẽ thường tình nhằm làm nổi bật sức sống của vạn vật giữa lúc tưởng chừng như cạn cùng của sự sống, kẻ cận diệt vong - ngày tận thế.

*“Vào ngày tận thế
Ông lượn vòng trên cỏ ba lá,
Người đánh cá sửa tấm lưới óng ánh.
Lũ cá heo hạnh phúc nhảy trên biển,
Chim sẻ non vui đùa bên máng xối
Và con rắn da vàng như phải vậy.”*

Bất ngờ thay, ông vẫn viết nên một “bài ca” - khúc khải hoàn giữa cái hỗn mang, tưởng như buồn đau, tưởng như bi kịch. Ở đó, vạn vật vẫn vận động trong cái hiện tồn vốn có mà tạo hóa trao tặng. Con người và thiên nhiên đồng hiện trong cái vẹn tròn và đủ đầy của nó, tưởng như chẳng gì có thể diệt vong trong cuộc hội ngộ đẹp đẽ ấy. Và sau tất cả, quả thực “*Sẽ không có tận thế nào khác nữa/ Sẽ không có tận thế nào khác nữa*”. Phải rồi, con người sẽ chẳng phải đối mặt với bất cứ bi kịch nào khác: Tận thế đâu có đến, nhưng với một tâm thế sống bình thản, không âu lo, sầu đau, con người sẽ nhận về niềm tin tất yếu, con người sẽ đạt được bao giá trị đẹp trước mọi hủy diệt của tạo hóa.

(Đặc trưng văn học, Chức năng văn học, Thiên chức nhà văn, Đặc trưng thơ)

- Thơ haiku (Nhật Bản)

*“Trong thế giới này
bước đi trên mái địa ngục
ta nhìn hoa bay” (Issa)*

Bài thơ ngắn gọn nhưng gửi gắm đến con người thông điệp sâu sắc: Hành trình của cuộc đời con người là hành trình đi, hành trình ngã để rồi trưởng thành trước những trầy da tróc vẩy, những thách thức mà cuộc đời đặt ra. Bởi thế, dù có “bước trên mái địa ngục”, dù khổ đau và tận cùng của mất mát, con người đồng thời cần mang theo một tâm thế tích cực, nhìn thấy những giá trị đẹp đẽ của cuộc đời. Ấy là thứ “hoa bay” trong đời, là những giây phút tâm hồn con người được lắng lọc và làm dịu lại những vết thương còn đang rỉ máu trong tâm hồn. Suy cho cùng, cuộc đời phải trải qua giông bão, nhưng tâm thế để đối mặt và vượt qua những giông bão ấy, để nhìn thấy nắng mai lên sau những dập vùi đồng thời là điều đáng suy ngẫm.

(Đặc trưng văn học, Chức năng văn học, Thiên chức nhà văn, Đặc trưng thơ)